

Tác động của hội nhập quốc tế đến hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam và một số khuyến nghị

PGS. TS. TÔ NGỌC HƯNG

Năm 2015 đánh dấu tiến trình hội nhập quốc tế mạnh mẽ của Việt Nam. Đặc biệt vừa qua, Việt Nam cùng 11 quốc gia tham gia đã đạt được thoả thuận, hoàn tất thành công đàm phán tiến tới ký kết hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Nhờ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động kinh doanh ngân hàng sẽ có những thay đổi tích cực do sự phát triển của thị trường tài chính, tạo điều kiện cho việc huy động vốn, mở rộng thị trường, tiếp thu và chuyển giao công nghệ, tuyển dụng lao động chất lượng cao cũng như sự đổi mới trong công tác quản lý tiền tệ của Nhà nước. Tuy nhiên, quá trình hội nhập gắn liền với quá trình tự do hoá thị trường tài chính sẽ tạo ra nhiều thách thức. Bài viết phân tích những cơ hội và thách thức đối với hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam trong hội nhập, thực trạng hệ thống TCTD Việt Nam, từ đó đưa ra một số gợi ý đối với hệ thống TCTD trong giai đoạn tới nhằm tận dụng tốt những cơ hội của hội nhập để phát triển bền vững.

Từ khóa: *hội nhập quốc tế, tổ chức tín dụng, Việt Nam*

1. Hội nhập quốc tế, những cơ hội và thách thức

Qua gần 30 năm đổi mới (1986- 2015), hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần

thúc đẩy tiến trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Hệ thống TCTD đã phát triển nhanh chóng về loại hình, quy mô, hình thức sở hữu... phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế đang chuyển đổi tồn tại nhiều thành phần kinh tế, đa ngành nghề, đa sở hữu. Sự phát triển của hệ thống TCTD Việt Nam được thúc đẩy mạnh mẽ bởi các sự kiện

Việt Nam hội nhập vào kinh tế thế giới thông qua các hiệp định về tự do thương mại và đầu tư như Hiệp định thương mại song phương Việt Nam năm 2001 và gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007. Từ khi Nghị quyết số 22/NQ/TW của Bộ Chính trị được ban hành trong đó nhấn mạnh chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã có bước đột phá trong hội nhập. Hiện nay Việt Nam đang tham gia hàng loạt các hiệp định thương mại tự do song phương, khu vực; các liên minh thuế quan và cả thị trường chung. Trong đó điển hình là tham gia hình thành cộng đồng kinh tế chung AEC, các hiệp định song phương với Nhật Bản (AJFTA), EU (VEFTA), Trung Quốc (ACFTA), Hàn quốc (AKFTA), Ấn độ (AIFTA), Úc và NewZealand (AANZFTA), Liên minh hải quan Nga- Belarus- Kazakhasta (VCUFTA)... Đặc biệt vừa qua, Việt Nam cùng 11 quốc gia tham gia đã đạt được thoả thuận, hoàn tất thành công đàm phán tiến tới ký kết hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Bên cạnh những cơ hội có được thì những thách thức đặt ra cũng không nhỏ, cụ



thể là: AEC là môi trường hội nhập tác động trực tiếp nhất đến ngành ngân hàng, các hiệp định thương mại tự do ảnh hưởng gián tiếp đến ngành ngân hàng thông qua ảnh hưởng đến các ngành nghề của nền kinh tế. Trong thời gian tới, việc AEC cùng với hàng loạt các FTA, các hiệp định thương mại tự do, các liên minh, TPP đi vào thực thi sẽ làm thay đổi căn bản nền kinh tế Việt Nam trong đó có ngành ngân hàng; việc tham gia các hiệp định chung sẽ ảnh hưởng đến quyền tự quyết của Việt Nam trong ban hành các chính sách phát triển kinh tế; nền kinh tế Việt Nam phải chịu sức ép cạnh tranh lớn hơn từ các nền kinh tế khác trong điều kiện không cân sức, có thể gây ra một số khó khăn thiệt hại cho nền kinh tế; mặt khác dòng vốn FDI đổ vào Việt Nam ở quy mô lớn sẽ gây sức ép lên phần kinh tế trong nước và có thể gây mất cân đối vĩ mô và gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế vào nguồn vốn này.

Ngoài ra, việc thực hiện các cam kết mở cửa thị trường sau khi gia nhập WTO, Chính phủ Việt Nam đã từng bước tự do hóa có kiểm soát hệ thống ngân hàng với việc nới lỏng hơn các quy định cho phép các ngân hàng nước ngoài tham gia vào thị trường nội địa. Thực hiện Nghị định số 22/2006/NĐ-CP, NHNN đã cấp phép cho 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài gồm HSBC, Standard Chartered Bank, ANZ Bank, Shinhan Bank và Hong Leong Bank. Song song với đó, Chính phủ cũng cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài được

sở hữu cổ phần của các TCTD. Việc sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo các quy định trong Luật các TCTD năm 2010 và Nghị định số 01/2014/NĐ-CP (trước đó là Nghị định số 69/2007/NĐ-CP) theo hướng nới lỏng dần các quy định hơn cho các nhà đầu tư. Không chỉ thúc đẩy nhanh hơn quá trình cổ phần hóa các TCTD, việc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài trở thành cổ đông đã tạo điều kiện cho nhiều tổ chức trở thành cổ đông chiến lược, mang lại những ích lợi cho các TCTD trong nước về nguồn vốn, thị trường tiềm năng, kinh nghiệm, uy tín, công nghệ²... Bên cạnh những cơ hội để các NHTM Việt Nam tiếp cận được các chuẩn mực quốc tế trong quản trị cũng như điều hành từ các ngân hàng nước ngoài, thị trường nhập quốc tế cũng tạo những áp lực lớn cho các NHTM Việt Nam bởi cạnh tranh sẽ gia tăng mạnh từ các ngân hàng nước ngoài trong khu vực, đặc biệt các ngân hàng này hầu hết đều có quy mô, trình độ vượt trội so với các NHTM Việt Nam.

2. Thực trạng hoạt động hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam

² Nghị định 01/2014/NĐ-CP cũng quy định 5 điều kiện với tổ chức nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên phải đáp ứng (i) xếp hạng tín nhiệm từ mức ổn định trở lên; (ii) có đủ nguồn tài chính hợp pháp; (iii) không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh trên thị trường nội địa; (iv) không vi phạm nghiêm trọng luật pháp tại nước cư trú và tại Việt Nam; và (v) có tổng tài sản tối thiểu 10 tỷ USD đối với tổ chức là ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.

2.1. Quy mô hoạt động

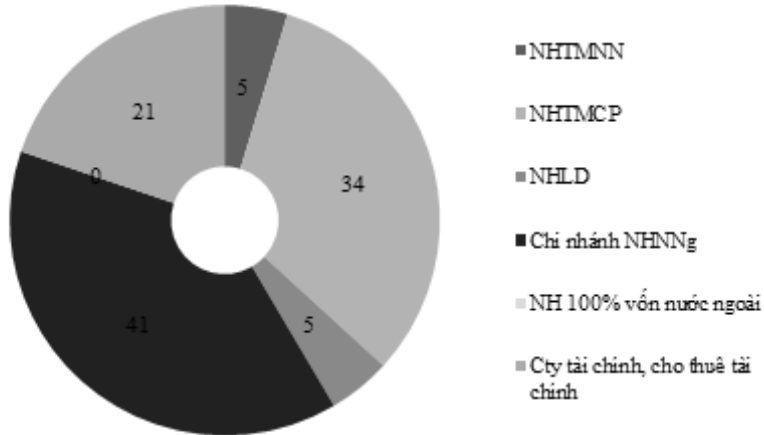
Sự xuất hiện các TCTD nước ngoài cho thấy hấp dẫn của thị trường các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng và sự mở cửa của Chính phủ Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết hội nhập. Xuất phát từ 4 NHTMNN với quy mô còn khiêm tốn, tính đến 30/6/2015, hệ thống TCTD Việt Nam đã có 6 NHTMNN và NHTM có cổ phần chi phối của Nhà nước, 31 NHTMCP, 4 NHLĐ, 5 NH 100% vốn nước ngoài, 17 công ty tài chính, 11 công ty cho thuê tài chính, 1 NHCS, 1 NHPT, 1 ngân hàng hợp tác xã và 968 quỹ tín dụng, 49 chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, 51 văn phòng đại diện Ngân hàng nước ngoài. Mạng lưới các TCTD không những bao phủ thị trường nội địa mà còn có những bước tiến lớn trong việc phát triển mạng lưới tại một số thị trường quốc tế.

Sự tồn tại của nhiều loại hình TCTD với loại hình, quy mô, hình thức sở hữu khác nhau đã góp phần đáp ứng các nhu cầu đa dạng về sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng. Đẩy mạnh tín dụng phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và cá nhân, tổng tài sản của hệ thống TCTD đã tăng mạnh về mặt quy mô. Nếu như tại thời điểm cuối năm 2008, 2 năm sau khi gia nhập WTO, tổng tài sản toàn hệ thống là 2,2 triệu tỷ đồng thì tới cuối tháng 8/2015, tổng tài sản đã đạt 6,75 triệu tỷ đồng (gấp hơn 3 lần). Để bảo đảm cho việc mở rộng tổng tài sản với tốc độ nhanh như vậy, hệ thống TCTD tập trung chủ yếu

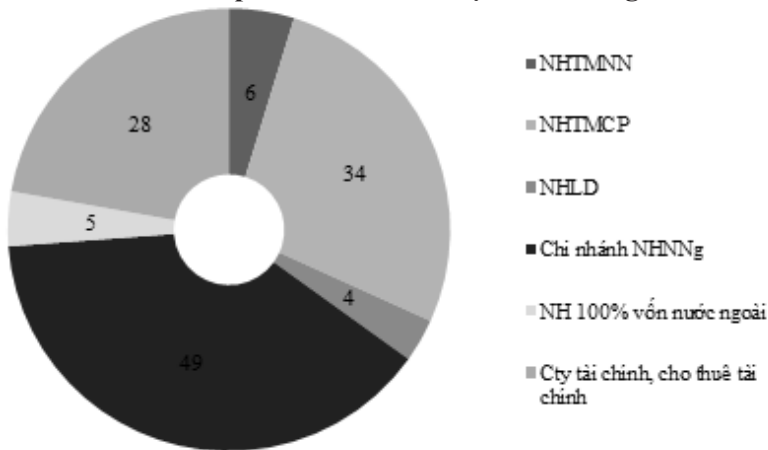


Chúc mừng năm mới

Hình 1. Thành phần các TCTD Việt Nam năm 2007

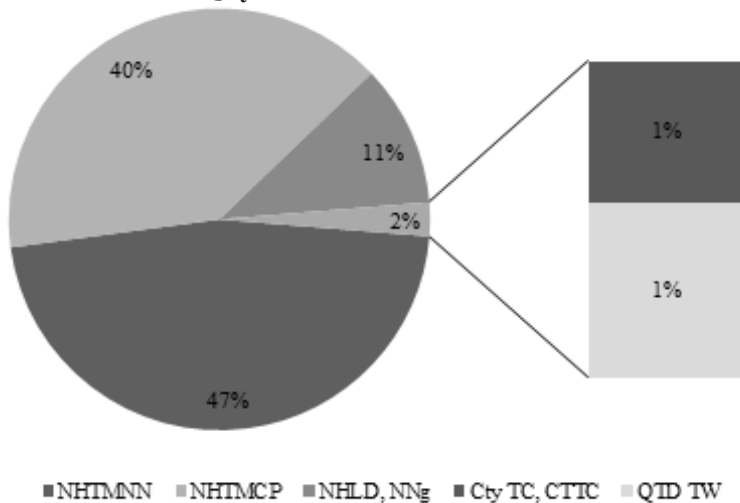


Hình 2. Thành phần các TCTD Việt Nam tháng 6/2015



Nguồn: NHNN

Hình 3. Quy mô tài sản các TCTD năm 2008



Nguồn: NHNN

vào mở rộng sản phẩm tín dụng và các khoản mục mang tính chất tín dụng như trái phiếu doanh

nh nghiệp, ủy thác đầu tư, đặt cọc, kỹ quỹ.... Nền tảng hỗ trợ mức tăng trưởng này là quá trình cổ

phần hóa các TCTD, bán cổ phần ra công chúng, tạo điều kiện tăng vốn điều lệ đáp ứng quy định của Chính phủ. Trong quá trình này, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân nước ngoài đóng vai trò quan trọng khi nhiều TCTD, công ty đầu tư tài chính quốc tế quy mô thế giới đã đầu tư và trở thành cổ đông chiến lược cho nhiều TCTD Việt Nam.

Các NHTMNN và NHTMCP Nhà nước nắm cổ phần chi phối là nhóm TCTD có quy mô vốn điều lệ cao nhất, làm nền tảng cho việc mở rộng tổng tín dụng mạnh mẽ trong suốt giai đoạn vừa qua. Các NHNNg cũng đầu tư vốn mở rộng các hoạt động của mình như mở tài khoản ngân hàng phục vụ nhu cầu thanh toán và giao dịch ngoại tệ.

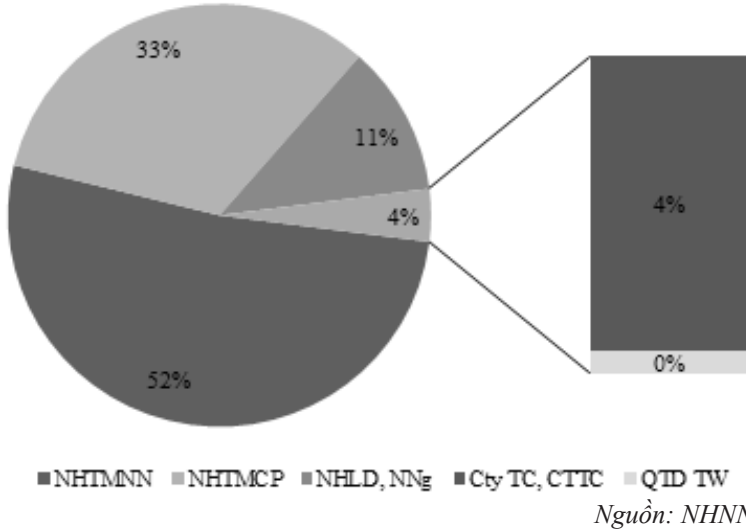
Trong một giai đoạn dài với những nền tảng kinh tế vĩ mô thuận lợi, hệ thống TCTD Việt Nam đã có điều kiện đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng. Tín dụng không chỉ hướng vào lĩnh vực sản xuất mà còn vào các lĩnh vực phi sản xuất với nhiều rủi ro như bất động sản, chứng khoán, vàng..., đưa tỷ lệ tín dụng/GDP nhanh chóng vượt mức 100% vào năm 2009. Kể từ khi kinh tế vĩ mô suy giảm và hệ thống TCTD thực hiện đề án cơ cấu lại, tốc độ tăng trưởng tín dụng đã điều chỉnh lại theo hướng phù hợp với hơn năng lực của hệ thống và khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế.

2.2. Chất lượng tài sản

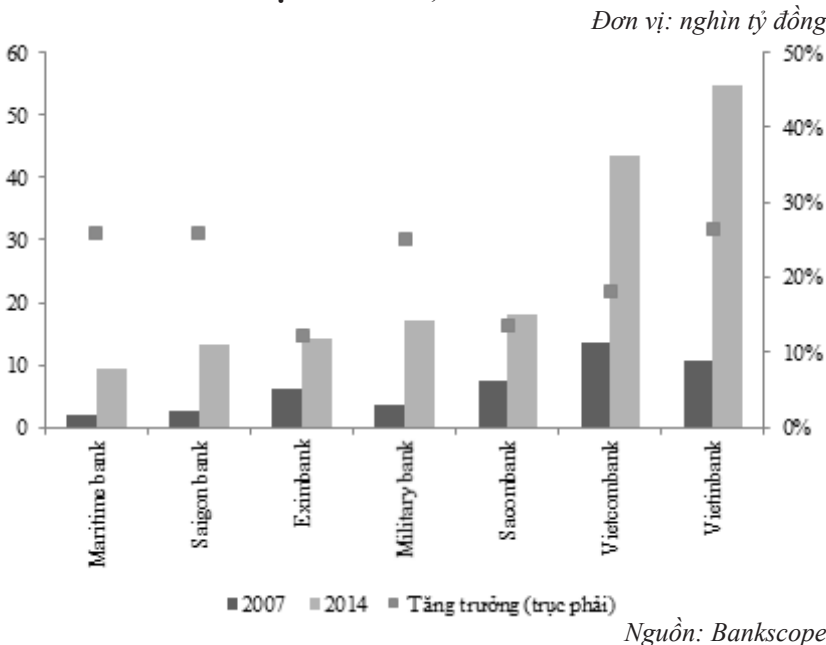
Sự kỳ vọng vào triển vọng tăng trưởng sau khi hội nhập cùng với các chính sách kinh tế nói lỏng của Chính phủ đã khuyến khích



Hình 4. Quy mô tài sản các TCTD tháng 8/2015



Hình 5. Quy mô vốn điều lệ và tăng trưởng vốn điều lệ bình quân một số NHTM, 2007- 2014



tăng trưởng tín dụng từ cả phía cung và phía cầu. Để đáp ứng nhu cầu vay vốn tăng cao từ phía nền kinh tế và sự gia tăng cạnh tranh trong hệ thống, các TCTD đã đẩy mạnh tín dụng thông qua nới lỏng các điều kiện tín dụng. Trong khi đó, các TCTD nước ngoài lại tập trung vào khai thác các mảng sản phẩm và dịch vụ phi tín dụng dựa trên lợi thế về

nguồn vốn ngoại tệ, quy trình, công nghệ hiện đại và mạng lưới đại lý toàn cầu. Sau giai đoạn tăng trưởng nhanh, từ năm 2008, nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với bất ổn kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các giai đoạn lạm phát cao và suy thoái kinh tế. Hệ quả là chất lượng tín dụng của hệ thống TCTD đã bộc lộ những yếu kém. Chất lượng tín dụng suy giảm rõ

rệt không chỉ thể hiện ở quy mô và tỷ lệ nợ xấu tăng cao mà giá trị và tỷ trọng nợ quá hạn trong tổng dư nợ cũng tăng mạnh. Điều này tiềm ẩn hai rủi ro lớn là (i) nếu như triển vọng sản xuất- kinh doanh lẫn khả năng trả nợ của khách hàng không được cải thiện thì nợ nhóm hai sẽ được chuyển sang nhóm nợ cao hơn (nhóm nợ xấu); và (ii) tồn tại không nhỏ khả năng các khoản nợ, đáng lẽ phải được chuyển sang nhóm nợ xấu nhưng đang bị các TCTD phân loại vào nhóm 2. Trong khi đó, quy mô nợ nhóm 5, tức là nhóm không còn có khả năng thu hồi, tăng lên mức rất cao qua các năm.

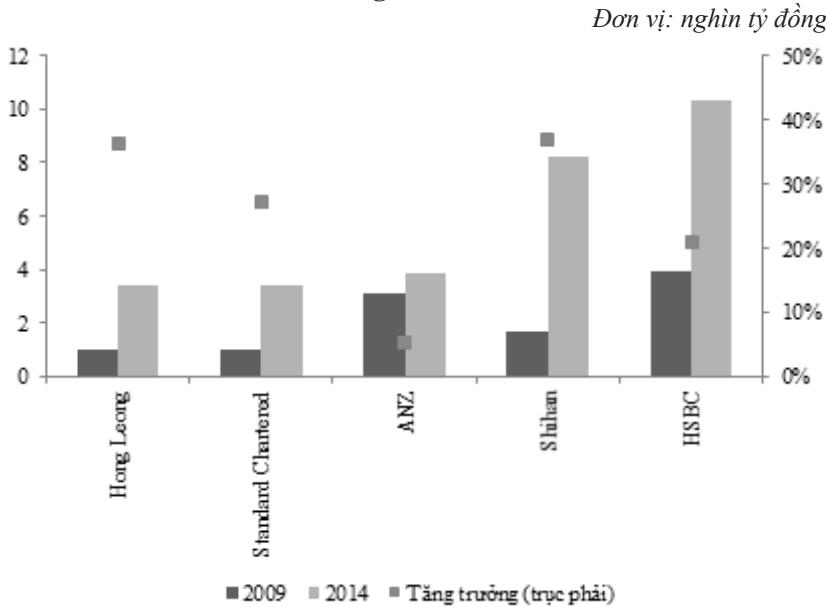
Chất lượng tài sản suy giảm, nhưng dự phòng rủi ro (DPRR) của hệ thống TCTD lại ở mức rất thấp so với quy mô nợ quá hạn, nợ xấu và so với nhiều quốc gia khác trên thế giới. Điều này làm dấy lên quan ngại là nếu như phân loại đúng theo chuẩn mực quốc tế, mức độ trích lập DPRR của hệ thống TCTD Việt Nam sẽ còn xuống đến mức thấp hơn nữa so với mức thông lệ quốc tế. Mức trích lập DPRR cao làm suy giảm lợi nhuận, thậm chí làm giảm mức vốn chủ sở hữu của một số TCTD yếu kém xuống dưới mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật.

Trước thực trạng nợ xấu tăng cao và hướng tới việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo thông lệ quốc tế, Chính phủ đã ban hành Đề án xử lý nợ xấu, thành lập VAMC và NHNN đã triển khai nhiều giải pháp như ban hành các quyết định, thông tư về mua bán, xử lý nợ xấu, phân



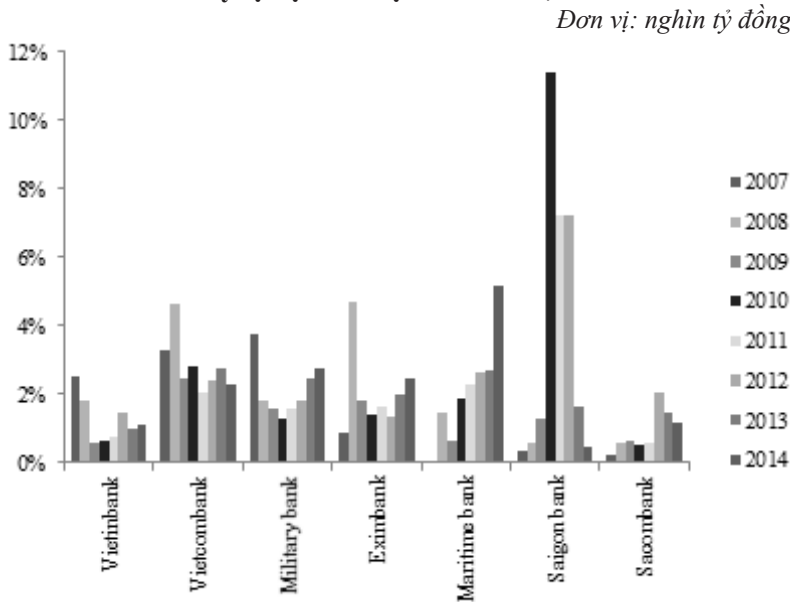
Chúc mừng năm mới

Hình 6. Quy mô vốn điều lệ và tăng trưởng vốn điều lệ bình quân NHNNg, 2009- 2014¹



¹ Ngân hàng Hong Leong: từ 2009 đến 2013; Ngân hàng ANZ: từ 2010 đến 2014

Hình 7. Tỷ lệ nợ xấu một số NHTM, 2007- 2014



Nguồn: Bankscope

Bảng 1. Kết quả xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam

Nợ xấu	30/9/2012	30/4/2013	30/6/2015	31/8/2015	30/9/2015
Quy mô nợ xấu (tỷ đồng)	465.328		159.313		
Tỷ lệ nợ xấu (%)	17.21%	4,67%	3,72%	3,2%	3%

Nguồn: Cafef.vn, VnEconomy

loại nợ, xử lý tài sản bảo đảm... Đáng chú ý, ngày 21/01/2013, NHNN đã ban hành Thông tư số 02/2013/TT-NHNN Quy định về phân loại tài sản có, mức trích và phương pháp trích lập DPRR và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh NHNNg. Việc áp dụng Thông tư 02/2013/TT-NHNN là một bước tiến của NHNN trong việc hướng tới áp dụng các chuẩn mực quốc tế về phân loại nợ và trích lập dự phòng cho hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay. Về kinh nghiệm quốc tế, đây là giải pháp mà nhiều quốc gia trên thế giới như Hàn Quốc và Trung Quốc đã áp dụng trong quá trình xử lý nợ xấu nhằm đánh giá toàn diện và chính xác về tình hình nợ xấu tại hệ thống, làm cơ sở cho việc xây dựng và triển khai các biện pháp xử lý. Nhờ những giải pháp đồng bộ kể trên, tốc độ tăng trưởng nợ xấu đã giảm đi đáng kể so với giai đoạn trước, quy mô nợ xấu được duy trì ở mức tương đối ổn định. Tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống TCTD có xu hướng giảm dần qua các năm khi giá trị nợ xấu từ mức 455 nghìn tỷ đồng cuối tháng 9/2012 đã giảm còn 159.313 nghìn tỷ đồng vào 30/6/2015. Tính đến 30/9/2015, tỷ lệ nợ xấu đã được đưa về mức 3%, đảm bảo đúng kế hoạch như Thống đốc NHNN Việt Nam đã cam kết với Quốc hội.

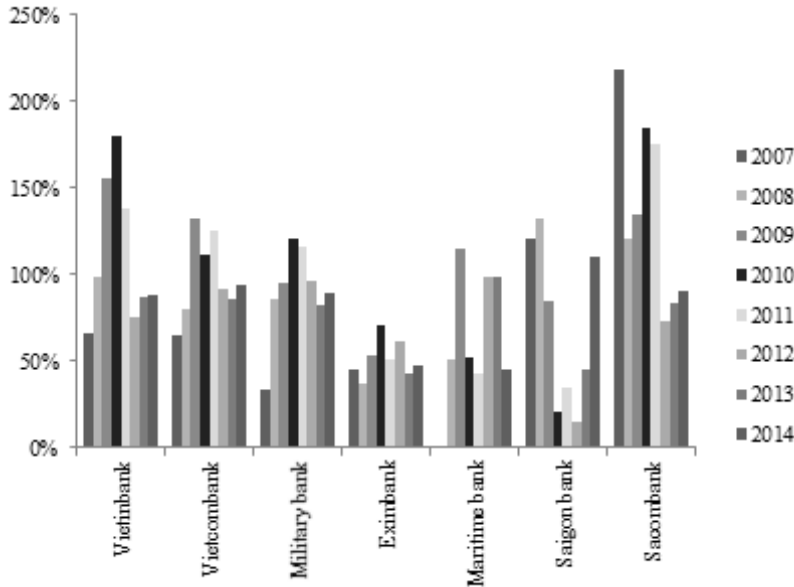
2.3. An toàn vốn

Giai đoạn tăng trưởng nhanh trước năm 2011 thông qua mở rộng tín dụng và các hoạt động đầu tư ngoài ngành đã khiến cho hệ thống TCTD phải đối mặt với



Hình 8. Tỷ lệ dự phòng rủi ro trên nợ xấu, 2007- 2014

Đơn vị: nghìn tỷ đồng



Nguồn: Bankscope

những bất ổn sau này. Chấp nhận mức rủi ro lớn nhưng thiếu các chính sách quản trị rủi ro phù hợp và quy mô vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu không tương xứng đã khiến cho không ít TCTD phải tiếp nhận sự hỗ trợ của các TCTD khác và NHNN để tránh khỏi tình trạng đổ vỡ. Năng lực tài chính của hệ thống TCTD thấp thể hiện ở quy mô vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản ở mức thấp so với các quốc gia khác trong khu vực. Mặc dù có mức vốn điều lệ thấp như vậy, hệ thống TCTD lại có quy mô tổng tài sản cao hơn gấp nhiều lần khiến cho khả năng chống đỡ trước các rủi ro ở mức tương đối thấp. Nếu tính theo hệ số an toàn vốn, sau giai đoạn tăng trưởng năm 2006- 2009, hệ số CAR ít được cải thiện, trong giai đoạn từ năm 2010 trở lại đây vẫn ở mức thấp hơn nhiều so với khu vực và thế giới. Trong bối cảnh tổng tài sản tăng trưởng cao, tỷ lệ đòn bẩy tài

chính của nhóm NHTMNN giảm dần và nhóm NHTMCP giữ ổn định là nhờ tăng vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, vốn chủ sở hữu của nhóm NHTMNN tăng chủ yếu là do tăng vốn điều lệ (Nhà nước bổ sung vốn điều lệ như trường hợp của Agribank, bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài như trường hợp của Vietcombank và Vietinbank, phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư trong nước). Trong khi đó, lợi nhuận để lại chỉ đóng góp tỷ trọng nhỏ vào tăng trưởng vốn chủ sở hữu của ngân hàng do quy mô lợi nhuận (so với quy mô tổng tài sản) không cao và bản thân các ngân hàng tiến hành chi trả cổ tức lớn. Đối với nhóm NHTMCP, sau giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ, tốc độ tăng vốn điều lệ đã chững lại khi thị trường ngân hàng dần đi vào bão hòa. Thực tế cho thấy, trong bốn năm trở lại đây, tăng trưởng vốn tự có lẫn vốn điều lệ của nhóm này hết sức khiêm tốn so với quá

khứ. Điều này một phần là do sự phát triển chững lại của thị trường cổ phiếu. Sự suy giảm tốc độ tăng trưởng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu là một trong những nguyên nhân dẫn tới việc hoạt động tín dụng nói riêng và quy mô tài sản nói chung không tăng như kỳ vọng.

Ngày 20/11/2014, NHNN đã ban hành Thông tư số 36/2014/TT-NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh NHNNg. Ngoài việc bổ sung quy định về vốn điều lệ tối thiểu, cách xử lý đối với các trường hợp khi giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp giảm thấp hơn so với vốn pháp định, Thông tư tập trung vào việc quy định vốn tự có, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đối với chi nhánh NHNNg, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung, dài hạn, điều kiện, giới hạn góp vốn, mua cổ phần giữa các công ty con, công ty liên kết..., quy định về việc cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu... theo sát với thông lệ quốc tế, bảo đảm sự phát triển an toàn và bền vững cho hệ thống TCTD.

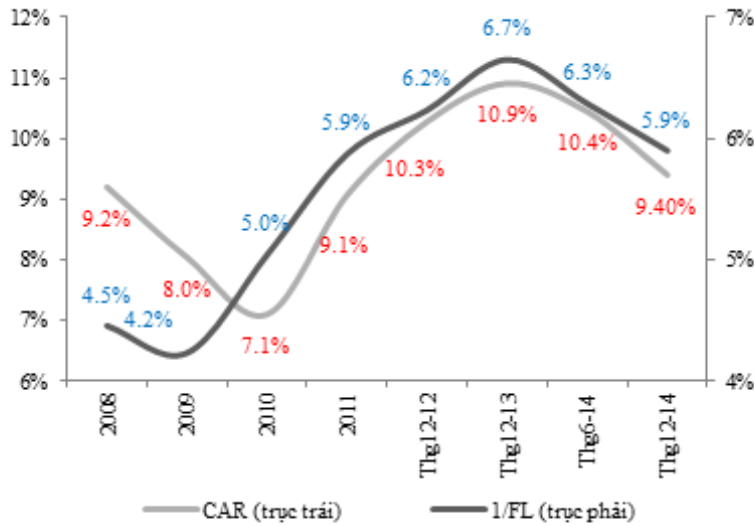
2.4. Thanh khoản

Thanh khoản hệ thống TCTD đã được cải thiện nhiều về mặt quản trị khi áp dụng cơ chế điều chuyển vốn nội bộ trong ngân hàng và sự phát triển của thị trường tiền tệ liên ngân hàng. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của hệ thống TCTD đã đặt áp lực lên nhiệm vụ huy động vốn, là nguyên nhân gây ra hiện

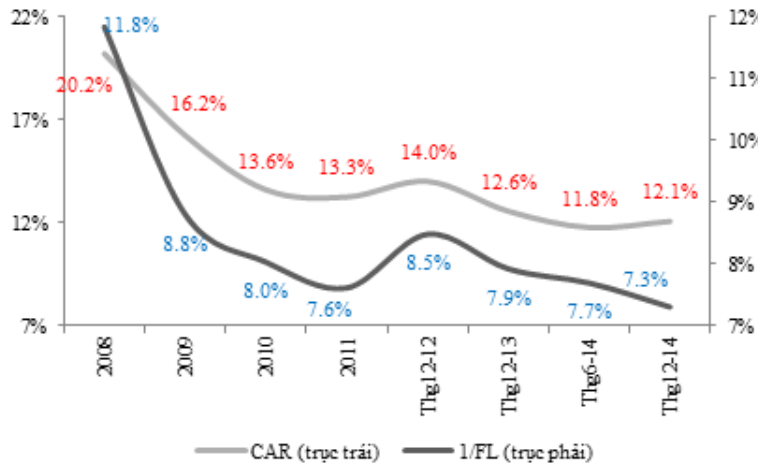


Chúc mừng năm mới

Hình 9. Đòn bẩy tài chính và hệ số an toàn vốn nhóm NHTMNN



Hình 10. Đòn bẩy tài chính và hệ số an toàn vốn nhóm NHTMCP



Nguồn: NHNN

tượng cạnh tranh thiếu lành mạnh và tình trạng thiếu thanh khoản cục bộ trong một số giai đoạn. Ngoài ra, do kinh tế Việt Nam chưa có một thị trường vốn thực sự phát triển, đáp ứng được nhu cầu nền kinh tế nên hệ thống TCTD luôn chịu áp lực cấp vốn. Hệ quả là tỷ lệ cho vay trên huy động của hệ thống luôn ở mức rất cao so với các quốc gia trong khu vực. Trong những năm 2008, giai đoạn 2011- 2012, tình hình thanh khoản của hệ thống TCTD có nhiều bất ổn trên cả thị trường 1,

thị trường 2, và thị trường 3. Sự mất cân đối nghiêm trọng giữa cơ cấu kỳ hạn nguồn vốn và sử dụng vốn cũng là tác nhân dẫn tới rủi ro thanh khoản tại hệ thống các TCTD khi dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm tỷ trọng cao trong tổng dư nợ (nguy cơ mất khả năng chi trả trong ngắn hạn ở mức cao). Sự phát triển bùng nổ của hệ thống NHTMCP với nhiều hình thức cạnh tranh (chủ yếu dựa trên lãi suất, các khoản khuyến mại) đã mở rộng thị phần tiền gửi của

nhóm này, trong khi thị phần tiền gửi của nhóm NHTMNN ngày càng bị thu hẹp. Tuy nhiên, chính từ sự cạnh tranh về giá này, nhóm NHTMCP lại chịu rất nhiều áp lực từ việc khách hàng liên tục rút trước hạn để gửi vào các TCTD có mức lãi suất cao hơn; khiến cho doanh số tiền gửi bị rút trước hạn của nhóm này tăng mạnh trong năm 2011.

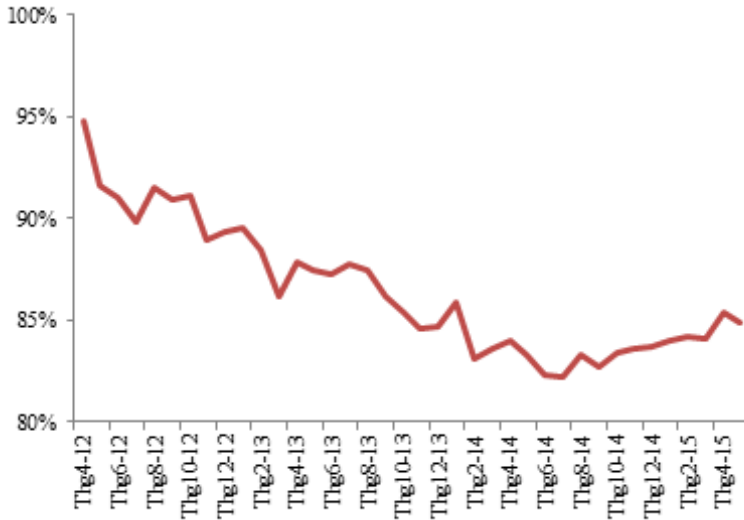
Tăng trưởng tín dụng quá nhanh, nhanh hơn huy động vốn trong một thời gian dài đã làm cho một bộ phận các TCTD phụ thuộc vào nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng (TTLNH) và nguồn vốn từ NHNN. Năm 2011, thị trường 2 xuất hiện nhiều hiện tượng bất ổn, tiềm ẩn rủi ro như: (i) các TCTD thừa vốn và thiếu vốn đều phát sinh đồng thời nhu cầu đi vay- nhận tiền gửi và cho vay- gửi tiền; (ii) lãi suất tiền gửi giữa các TCTD có nhiều thời điểm cao hơn lãi suất cho vay trên thị trường 1; (iii) các TCTD yêu cầu phải có tài sản bảo đảm cho các quan hệ vay mượn dẫn đến giao dịch trên TTLNH giảm mạnh đột ngột. Nguồn vốn huy động trên thị trường 1 không ổn định, thị trường 2 mất thanh khoản cục bộ buộc nhiều TCTD phải tìm đến thị trường 3 qua những khoản vay tái chiết khấu, tái cấp vốn để bảo đảm thanh khoản.

2.5. Khả năng sinh lời

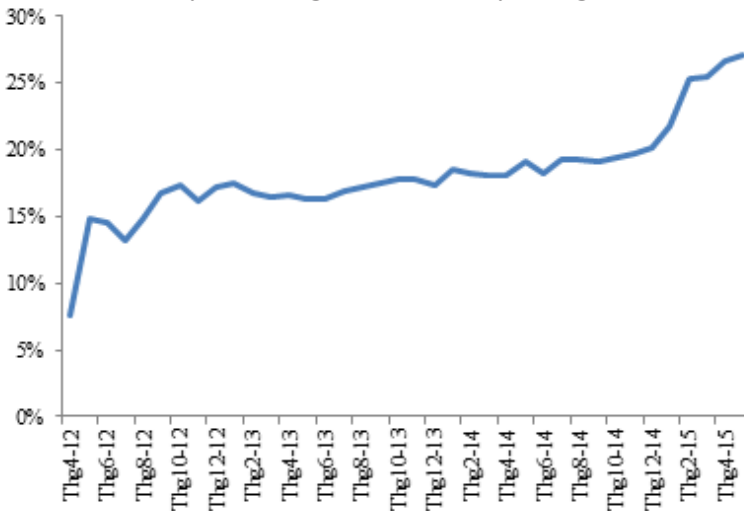
Sự phát triển của lĩnh vực tài chính ngân hàng ngay sau khi hội nhập đã khiến lợi nhuận của hệ thống TCTD tăng cao trong những năm đầu. Tuy nhiên, tăng trưởng lợi nhuận của hệ thống TCTD



Hình 11. Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động



Hình 12. Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn



Nguồn: NHNN

thiếu bền vững và có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm. Trước năm 2012, nhóm NHTMCP luôn chiếm tỷ trọng và mức sinh lời cao trong tổng lợi nhuận của toàn hệ thống, nhưng khi nền kinh tế gặp khó khăn và những nhược điểm cố hữu được bộc lộ, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của nhóm này liên tiếp sụt giảm. Trái lại, lợi nhuận của nhóm NHTMNN có tính ổn định hơn nhờ vào thị phần và quy mô nguồn vốn khá ổn định. Cho dù tổng thu nhập của hệ thống vẫn thể hiện xu hướng

tăng, cơ cấu thu nhập có nhiều bất cập khi thu nhập từ hoạt động tín dụng ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập. Việc quá tập trung vào tín dụng như là hoạt động chính của TCTD đã khiến cho mức độ an toàn, thu nhập và lợi nhuận của hệ thống bị phụ thuộc vào một hoạt động và trở nên rất nhạy cảm với những biến động kinh tế vĩ mô. Điều này đã được minh chứng qua thực tiễn Việt Nam kể từ năm 2012 khi mức sinh lời từ hoạt động tín dụng không còn

cao như trước.

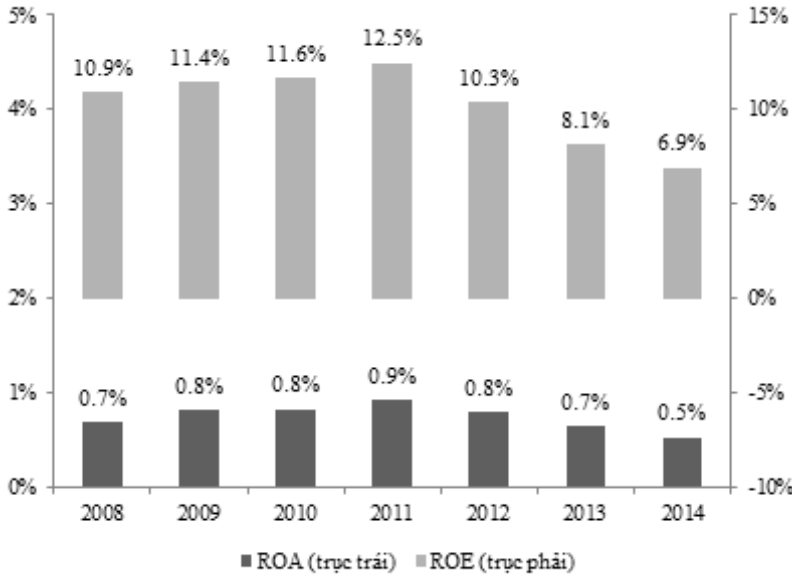
3. Một số gợi ý đối với hệ thống tổ chức tín dụng trong giai đoạn tới

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam vừa tạo ra cơ hội đồng thời đặt ra không ít thách thức đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng lẫn công tác điều hành CSTT, giám sát hoạt động ngân hàng của NHNN. Ảnh hưởng tích cực lẫn át ảnh hưởng tiêu cực hay ngược lại phụ thuộc vào diễn biến kinh tế thế giới, nhưng phần lớn lại phụ thuộc những thay đổi trong tư duy và biện pháp điều hành của TCTD và NHNN cũng như những cải cách của Chính phủ để thích ứng với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế. Nhờ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động kinh doanh ngân hàng sẽ có những thay đổi tích cực do sự phát triển của thị trường tài chính, tạo điều kiện cho việc huy động vốn, mở rộng thị trường, tiếp thu và chuyển giao công nghệ, tuyển dụng lao động chất lượng cao cũng như sự đổi mới trong công tác quản lý tiền tệ của Nhà nước. Tuy nhiên, quá trình hội nhập gắn liền với quá trình tự do hoá thị trường tài chính sẽ tạo ra nhiều thách thức. Ngoài những thách thức mà các TCTD phải khắc phục trong việc phải tăng khả năng cạnh tranh để duy trì và mở rộng thị phần thì những rủi ro liên quan đến di chuyển luồng vốn, rủi ro tỷ giá và chất lượng tín dụng sẽ là những quan ngại lớn trong hội nhập. Trong thời gian tới, hệ thống TCTD cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

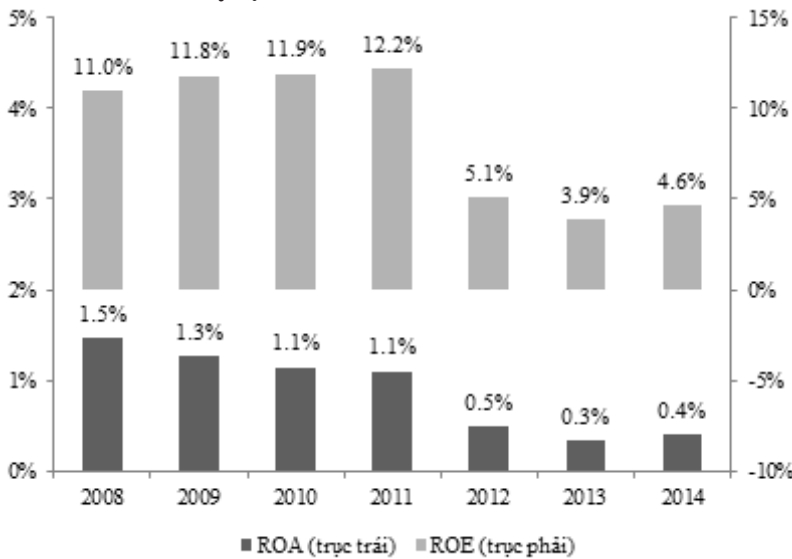


Chúc mừng năm mới

Hình 13. Tỷ lệ sinh lời nhóm NHTMNN 2008- 2014



Hình 14. Tỷ lệ sinh lời nhóm NHTMCP 2008- 2014



Nguồn: NHNN

Thứ nhất, hội nhập kinh tế quốc tế cần được thực hiện một cách chủ động, tích cực, thận trọng, có lộ trình đảm bảo cho hệ thống ngân hàng phát triển an toàn, bền vững và đáp ứng tốt nhất nhu cầu sản phẩm, dịch vụ tài chính cho khách hàng trong nước và quốc tế.

Thứ hai, cần xây dựng được chiến lược cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tới ưu

hóa dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm theo hướng quốc tế hóa để khai thác thị trường bán lẻ, nhằm tiếp cận khách hàng và tạo được điểm nhấn về sự khác biệt cho sản phẩm;

Thứ ba, tăng cường bổ sung vốn điều lệ thông qua việc bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và trong nước có tiềm lực mạnh nhằm gia tăng khả năng chống chọi trước những rủi

ro ngày một lớn. Cùng với đó, hệ thống TCTD cần tiến hành nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại tổ chức của mình và hướng tới minh bạch hóa hoạt động theo thông lệ quốc tế để bảo đảm quyền lợi của cổ đông cũng như thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư.

Thứ tư, hệ thống TCTD cần tận dụng kinh nghiệm của các nhà đầu tư chiến lược về công nghệ ngân hàng, và tiến hành đầu tư mạnh vào lĩnh vực này. Việc làm này là nhằm tăng cường khả năng quản trị cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các khách hàng trong và ngoài nước trước bối cảnh các TCTD nước ngoài với tiềm lực tài chính và công nghệ cao sẽ thâm nhập mạnh mẽ hơn vào thị trường trong nước.

Thứ năm, hệ thống TCTD nâng cao chất lượng tín dụng thông qua việc điều chỉnh chính sách tín dụng theo hướng bảo đảm tính bền vững về lợi nhuận tín dụng, áp dụng các quy định chặt chẽ về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, hướng tới việc thực hiện các thông lệ quốc tế; tăng cường mức độ đa dạng hóa trong danh mục tín dụng ngân hàng. Xử lý nợ xấu vẫn sẽ là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới của hệ thống TCTD, đòi hỏi phải có sự quyết tâm của toàn thể hệ thống. *Thứ sáu*, hệ thống TCTD cần nâng cao sự hợp tác, phối hợp trong xu thế hội nhập để tạo lập nền tảng vững chắc trước sự thâm nhập và cạnh tranh gay gắt của các TCTD nước ngoài. Sự hợp tác, chia sẻ cơ hội và giúp đỡ nhau trước những thách thức sẽ giúp các TCTD vượt qua khó



khẩn trong giai đoạn tới khi cùng lúc phải giải quyết những yếu kém tồn tại trong hệ thống và đương đầu với thách thức mời từ hội nhập.

Thứ bảy, tăng cường đa dạng hóa nguồn thu nhập, giảm tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng và tăng tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động phi tín dụng. Để đa

dạng hóa được các hoạt động kinh doanh, các TCTD cần phát triển mạnh thanh toán điện tử, kinh doanh thẻ, hoạt động tư vấn, các dịch vụ ngân hàng điện tử và phát triển những sản phẩm, dịch vụ mới.

Thứ tám, tăng cường chất lượng nguồn nhân lực tại các TCTD thông qua việc tuyển chọn, đào

tạo và kiểm tra định kỳ năng lực. Ngoài ra, yếu tố đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng cũng cần được đề cao và quan tâm đầu tư hơn nữa thông qua việc các TCTD xây dựng và áp dụng các bộ tiêu chí, thông lệ quốc tế, chuẩn mực tốt về đạo đức nghề nghiệp ngân hàng. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo thường niên NHNN các năm 2008 đến 2013.
2. Tài liệu Hội thảo “Đánh giá tái cấu trúc ngân hàng và xử lý nợ xấu” trường Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Cơ sở dữ liệu Bankscope.
4. Công bố dữ liệu thống kê, Ngân hàng Nhà nước.
5. Cafef.vn, VnEconomy

SUMMARY

Impacts of international integration on Vietnam credit, institutions and recommendations

2015 was marked by a strong international integration process in Vietnam. Especially, Vietnam and other participated 11 countries have recently concluded their negotiation and reached an agreement on Trans-Pacific partnership (TPP). The process of international economic integration that favors financial markets development, capital mobilization, market expansion, technology transfer, high quality recruitment and state monetary management innovations will bring positive changes to the banking business operation. However, the integration process along with a liberalization of the financial market will create more challenges to the system. The paper presents the current situation of Vietnam credit institutions system, analyzes opportunities and challenges and proposes some recommendations to take advantage of the opportunities for sustainable development.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Tô Ngọc Hưng, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Ủy viên độc lập Hội đồng quản trị, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học & Đào tạo NH, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, Tạp chí Thị trường Tài chính- Tiền tệ

Email: hungtn@hvn.edu.vn

Vui cười

Sau khi kết thúc buổi họp, Sally tìm mãi không thấy chìa khóa xe đâu. Nghĩ là mình bỏ quên tại phòng họp nên cô vội vã quay lại tìm, nhưng không thấy. Sally nghĩ có thể sáng nay mình đã quên rút chìa khóa, nên lại chạy xuống bãi giữ xe. Nhưng khi đến nơi Sally hốt hoảng khi chiếc xe của mình đã biến mất hoàn toàn, cô liền nghĩ chiếc xe đã bị đánh cắp. Cô gọi điện báo mất cắp với cảnh sát và sau đó, Sally run rẩy gọi điện cho chồng:

- Anh yêu, thật khủng khiếp, sáng nay em quên rút chìa khóa ra khỏi xe và thế là một tên trộm đã cuồn mất chiếc xe của em rồi.

Nói xong, Sally khóc nức nở. Một vài phút im lặng, chồng Sally thở dài đáp:

- Oi không Sally, em không nhớ là sáng nay anh đưa em đi làm rồi sau đó anh đã lái xe đến công ty sao?

Sally mừng rỡ:

- Oi, em đang tri thật. Vậy thì may quá, giờ anh đến đây đón em được không?

Chồng Sally lại thở dài:

- Giờ thì không được rồi, anh đang cố gắng thuyết phục với cảnh sát là anh không ăn cắp xe của em đây.



(Sưu tầm)